



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA môn **TIẾNG VIỆT**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

LỚP **3**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



DANH MỤC VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

GV	giáo viên
HS	học sinh
SGK	sách giáo khoa
SHS	sách học sinh
SGV	sách giáo viên
VBT	vở bài tập
VB	văn bản
PPDH	phương pháp dạy học
NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
QLGD	quản lý giáo dục



MỤC LỤC

Trang

Phần một: HƯỚNG DẪN CHUNG..... 4

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 3	4
1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 3</i>	4
1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 3</i>	5
2. GIỚI THIỆU CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC.....	16
2.1. Cấu trúc sách.....	16
2.2. Cấu trúc bài học trong 1 tuần	17
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.....	18
3.1. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học nói chung.....	18
3.2. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học đối với từng hoạt động.....	19
4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	20
4.1. Mục tiêu đánh giá	20
4.2. Nội dung đánh giá	21
4.3. Về cách thức đánh giá	22
5. MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC.....	22
6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM.....	23
6.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử	23
6.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học.....	25

Phần hai: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI 28

1. TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG.....	28
2. TỔ CHỨC DẠY HỌC NHỮNG NỘI DUNG RIÊNG CỦA TỪNG DẠNG BÀI	29
Bài 3 tiết.....	30
Bài 4 tiết.....	35

Phần ba: CÁC NỘI DUNG KHÁC 42

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN TIẾNG VIỆT 3	42
2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO	42

1 GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 3**1.1. Quan điểm biên soạn SGK Tiếng Việt 3**

Sách *Tiếng Việt 3* tiếp tục ý tưởng của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, đó là: Nội dung các bài học trong sách phải làm cho HS cảm thấy việc học môn Tiếng Việt thực sự hấp dẫn, thú vị, bổ ích, phát huy được tính sáng tạo của bản thân. Mỗi hoạt động học tập được thiết kế trong sách phải giúp HS từng bước phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học một cách hiệu quả, theo đúng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt tiểu học.

Sách được biên soạn theo mô hình SGK dạy tiếng hiện đại, trên cơ sở kế thừa và phát huy ưu điểm trong các sách dạy học Tiếng Việt của Việt Nam trước đây. Cụ thể:

1.1.1. Đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

SGK *Tiếng Việt 3* bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Tiếng Việt cấp Tiểu học) năm 2018 với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HS. Nội dung sách *Tiếng Việt 3* đáp ứng các yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học được quy định trong Chương trình Tiếng Việt lớp 3.

Các bài học được thiết kế theo cách tạo cơ hội cho HS tăng cường tham gia những hoạt động giao tiếp tự nhiên. Một số kiến thức sơ giản về tiếng Việt và văn học thuộc chương trình môn Tiếng Việt lớp 3 được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, giúp các em sử dụng tiếng Việt thành thạo để học tốt các môn học, tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục, giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống; bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học, đồng thời bồi dưỡng cho HS những phẩm chất tốt đẹp với các biểu hiện cụ thể như: tình yêu đối với gia đình, mái trường, thiên nhiên, đất nước; có ý thức đối với cội nguồn, có lòng nhân ái, có hứng thú học tập, yêu lao động, v.v...

1.1.2. Phát huy tính tích cực của học sinh

Để đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của HS, sách *Tiếng Việt 3* chú ý phát huy tính tích cực của HS trong học tập thông qua các hoạt động phù hợp với đặc điểm nhận thức và cách học của HS tiểu học. Những hoạt động này rất đa dạng, có tính chất và vai trò khác nhau trong quá trình học tập của HS, từ khởi động (giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của các em để tiếp nhận bài học mới), khám phá, hình thành kiến thức (giúp HS phát hiện, tìm hiểu kiến thức, giá trị mới trong bài học dựa trên những hiểu biết đã có) đến luyện tập, vận dụng (giúp HS

thực hành để phát triển các kĩ năng và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống của chính các em).

Các bài học trong sách *Tiếng Việt 3* tạo điều kiện thuận lợi để GV tổ chức các hoạt động dạy học giúp HS đóng vai trò chủ động hơn trong học tập; hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ HS một cách hiệu quả để các em từng bước hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà chương trình giáo dục mong đợi.

1.1.3. Chú trọng dạy học tích hợp và phân hoá

Các nội dung trong *Tiếng Việt 3* được chọn lọc theo hướng tinh giản ở mức hợp lí, chú trọng dạy học tích hợp và dạy học phân hoá. Định hướng dạy học tích hợp trong *Tiếng Việt 3* được thể hiện như sau:

Tích hợp giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe ở lớp 3 và kết nối với kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã đạt được ở lớp 2. Các nội dung học tập có sự gắn kết chặt chẽ với nhau trong từng bài học và giữa các bài học trong từng chủ điểm. Sự tích hợp trong *Tiếng Việt 3* không chỉ thể hiện trên bình diện nội dung bài học mà còn thể hiện cả trên bình diện phương pháp và kĩ thuật dạy học. Nhiều hoạt động trong sách vừa có mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, vừa có mục tiêu phát triển một số năng lực chung như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề. Chẳng hạn, ở hoạt động Đọc hiểu, HS có thể đóng vai để kể lại suy nghĩ, việc làm của nhân vật, để nói lại lời đối thoại của các nhân vật, để nêu nhận xét về nhân vật, sự việc. Trong nhiều bài học, HS còn được giao nhiệm vụ giải quyết một tình huống có thực (đơn giản) trong đời sống để các em tập vận dụng các kiến thức, kĩ năng mới được học vào giải quyết các vấn đề đặt ra với các em hằng ngày.

Tích hợp nội dung các môn học và hoạt động giáo dục khác trong cùng một khối lớp với kiến thức, kĩ năng Tiếng Việt. Nhiều bài học trong *Tiếng Việt 3* đã tích hợp nội dung của một số môn học như Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Âm nhạc, Mĩ thuật,... Các em có cơ hội vận dụng hiểu biết về môi trường tự nhiên, hành vi ứng xử theo chuẩn mực với người thân, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh; vận dụng khả năng cảm nhận màu sắc, hình khối, đường nét của tranh ảnh,... để đọc hiểu và thực hành viết, nói và nghe trong khi học Tiếng Việt.

Để giúp HS phát triển năng lực một cách phù hợp, yêu cầu dạy học phân hoá cũng được chú trọng trong *Tiếng Việt 3*. Bên cạnh đó, nhiều nội dung thực hành, nhiệm vụ học tập tạo cơ hội cho HS có thể thực hiện bằng nhiều cách, hoàn thành ở nhiều mức độ, yêu cầu khác nhau tùy theo năng lực, sở trường của mỗi HS.

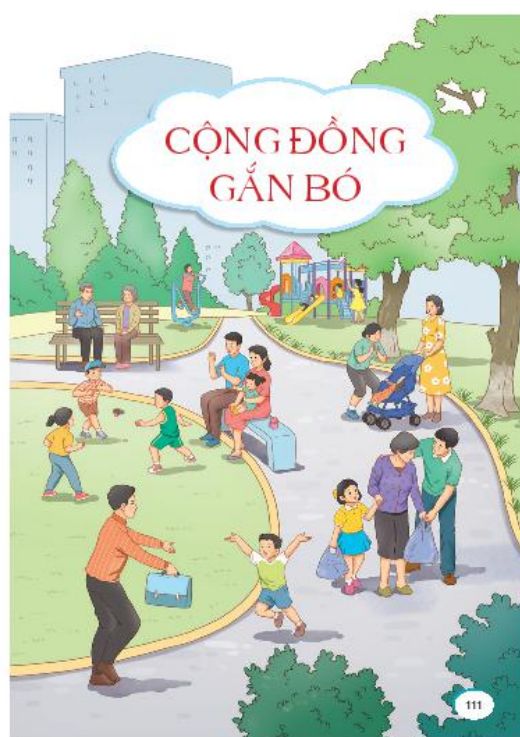
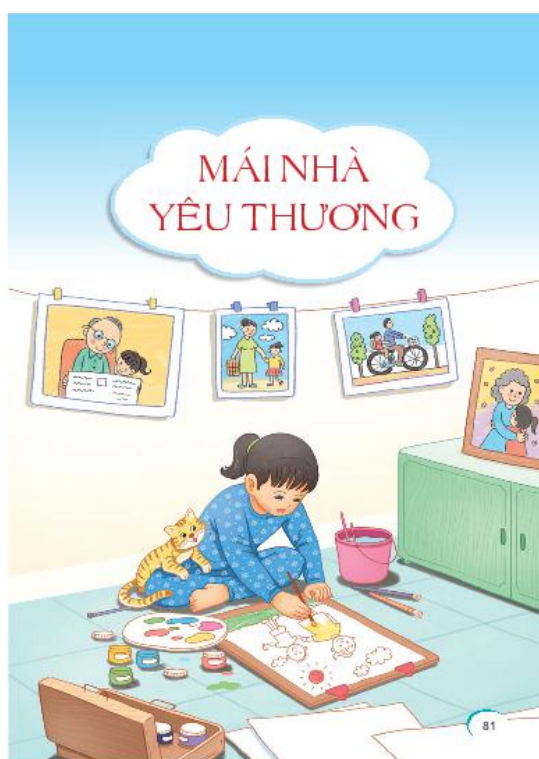
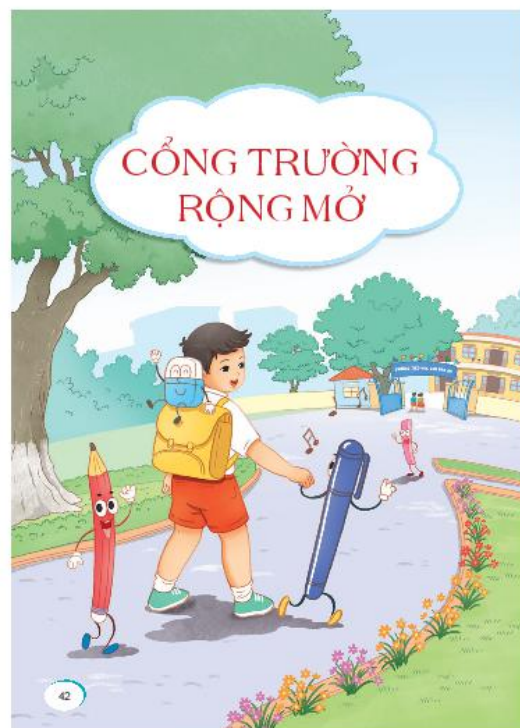
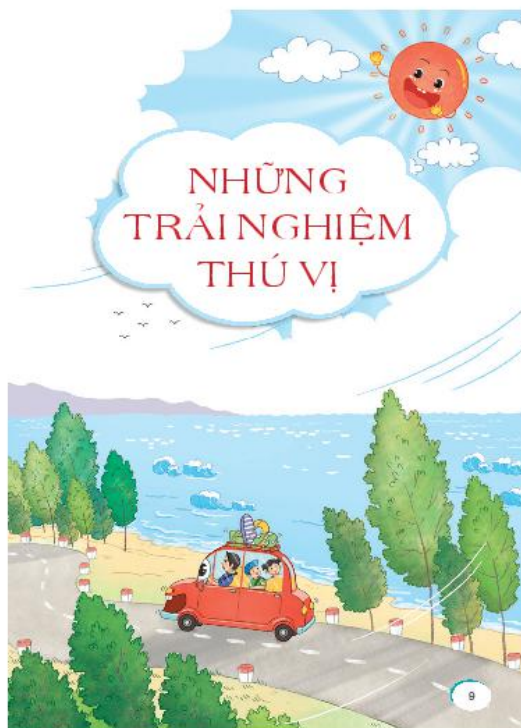
1.2. Những điểm mới của SGK Tiếng Việt 3

1.2.1. Tên chủ điểm trong sách có sức gợi mở và hấp dẫn

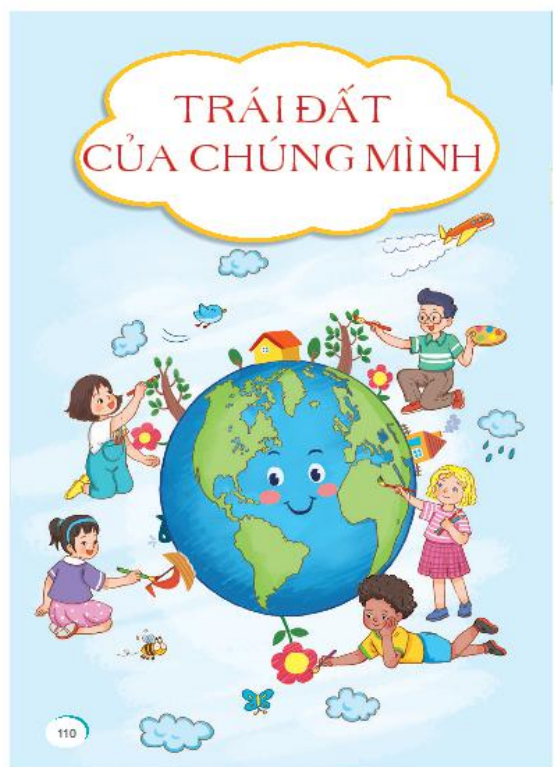
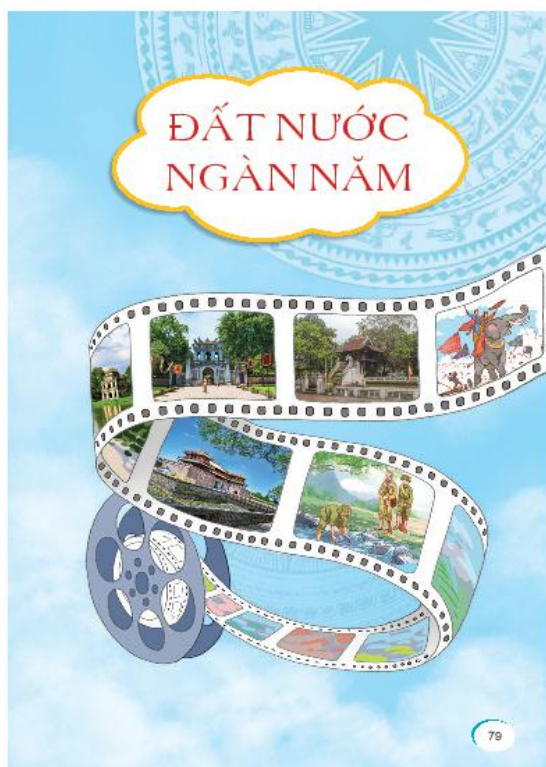
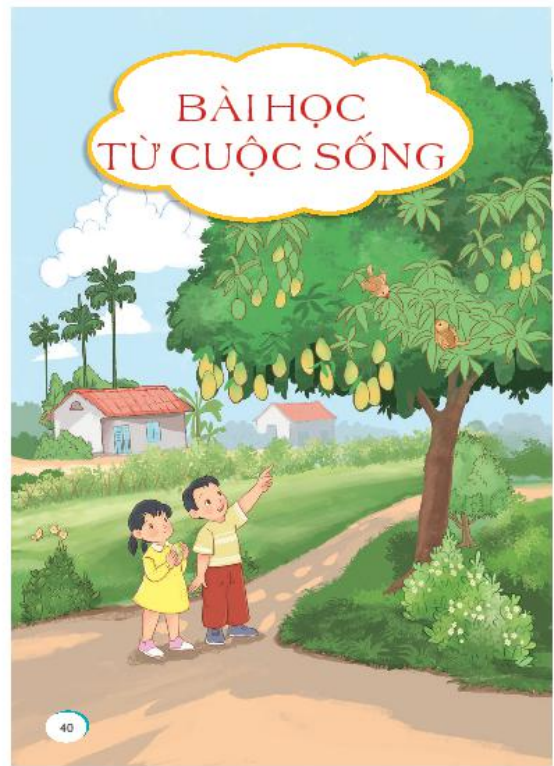
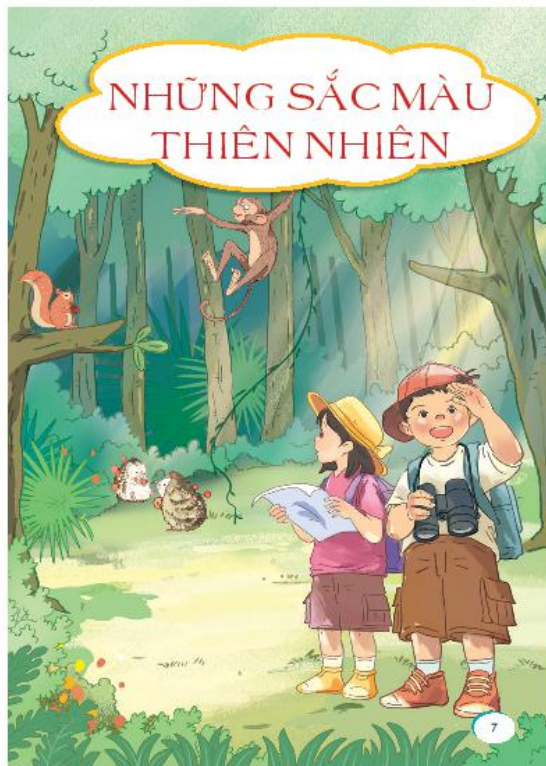
Hệ thống chủ điểm được sắp xếp hợp lí như thể mỗi trang sách sẽ lần lượt dẫn dắt các em từ những trải nghiệm của bản thân các em về nhà trường, gia đình, cộng đồng,

thiên nhiên, xã hội, đất nước, thế giới. Qua mỗi chủ điểm học tập, các em dần được mở rộng tầm mắt, mở rộng hiểu biết. Đi theo các chủ điểm này, các em sẽ được rèn luyện và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và các kiến thức của môn Tiếng Việt – đáp ứng yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3:

❑ Tập một có 4 chủ điểm. Các chủ điểm ở tập một gắn với phạm vi cuộc sống rất gần gũi với HS: *Những trải nghiệm thú vị* (4 tuần), *Cổng trường rộng mở* (4 tuần), *Mái nhà yêu thương* (4 tuần), *Cộng đồng gần bó* (4 tuần).



□ Tập hai có 4 chủ điểm. Các chủ điểm ở tập hai phát triển dần sang những phạm vi khác của đời sống, giúp HS có thêm hiểu biết, mở rộng trải nghiệm: *Những sắc màu thiên nhiên* (4 tuần), *Bài học từ cuộc sống* (4 tuần), *Đất nước ngàn năm* (4 tuần), *Trái Đất của chúng mình* (3 tuần).



Nội dung các chủ điểm trong 2 tập sách vừa gắn với đời sống thực tiễn, với những giá trị văn hoá Việt Nam, vừa đáp ứng yêu cầu giáo dục, góp phần tạo nên những con người có được các phẩm chất và năng lực để sống tốt và làm việc hiệu quả trong thế kỉ XXI. Qua cách đặt tên chủ điểm, các tác giả muốn dõng theo từng trải nghiệm, từng niềm vui và mỗi bước trưởng thành của các em HS, những người đồng hành cùng bộ sách này.

1.2.2. Sách chú trọng rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS

Thống nhất và tiếp tục ý tưởng của SHS *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2*, trong SHS *Tiếng Việt 3*, nội dung học tập được tổ chức theo các mạch tương ứng với các kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe), không chia thành các phân môn (Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện, Tập làm văn,...) như trước đây. Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học môn Tiếng Việt gắn với giao tiếp thực tế, tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học. Nhìn vào mục lục, các thầy cô giáo và các em học sinh sẽ biết được nội dung, yêu cầu về đọc – viết – nói – nghe cùng với nội dung luyện tập kiến thức về từ và câu,... trong mỗi tuần, mỗi bài học trong tuần.

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ			9
1	1	Đọc: <i>Ngày gặp lại</i> Nói và nghe: Mùa hè của em Viết: – Nghe – viết: <i>Em yêu mùa hè</i> – Phân biệt c/k	10 11 12
	2	Đọc: <i>Về thăm quê</i> Viết: Ôn chữ viết hoa: <i>À, Â, Æ</i> Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động – Viết tin nhắn	13 14 14
2	3	Đọc: <i>Cánh rừng trong nắng</i> Nói và nghe: Kể chuyện <i>Sự tích loài hoa của mùa hạ</i> Viết: – Nghe – viết: <i>Cánh rừng trong nắng</i> – Phân biệt g/gh	17 19 20
	4	Đọc: <i>Lần đầu ra biển</i> Đọc mở rộng Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể lại sự việc đã làm cùng người thân	21 23 23

1.2.3. Nội dung bài học có sự kết nối chặt chẽ giữa các kĩ năng và được thiết kế theo hướng mở để phát huy năng lực người học

- a) Ở kĩ năng đọc, *Tiếng Việt 3* chú trọng thiết kế các câu hỏi đọc hiểu đa dạng về kiểu loại và mức độ yêu cầu, tạo cơ hội để HS phát biểu ý kiến cá nhân, luyện cho HS thói quen và kĩ năng suy nghĩ độc lập, cách thức trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình trước tập thể. Suy nghĩ, cảm xúc của các em có thể chưa thật rõ nét và sâu sắc, diễn đạt có thể chưa mạch lạc và gãy gọn, song điều quan trọng là các em được tập luyện để

hình thành thói quen tìm tòi, khám phá và phát huy sáng tạo thông qua những câu hỏi đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức văn bản và yêu cầu liên hệ, so sánh, kết nối văn bản được đọc với trải nghiệm của các em, với các sự vật, sự việc trong cuộc sống, v.v... Dưới đây là một số ví dụ về câu hỏi đọc hiểu trong SHS *Tiếng Việt 3*:

– Câu hỏi đọc hiểu bài *Về thăm quê* (trong *Tiếng Việt 3, tập một*, tr.14):

1. Bạn nhỏ thích nhất điều gì khi nghỉ hè?

2. Những câu thơ sau giúp em hiểu điều gì về bạn nhỏ?

Bà em cũng mừng ghê
Khi thấy em vào ngõ.

Bà mỗi năm mỗi gầy
Chắc bà luôn vất vả.

3. Kể những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu.

4. Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy vui thích trong kì nghỉ hè ở quê?

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ em thích.

– Câu hỏi đọc hiểu bài *Tập nấu ăn* (trong *Tiếng Việt 3, tập một*, tr.31):

1. Kể tên những nguyên liệu làm món trứng đúc thịt.

2. Khi làm món trứng đúc thịt, bước 1 cần làm những gì?

3. Tranh bên mô tả công việc ở bước mấy?
Nói lại công việc đó.

4. Sắp xếp các nội dung dưới đây theo thứ tự làm món trứng đúc thịt.

a Gắp ra đĩa.

b Cho dầu ăn vào chảo, đun nóng.

c Cho hỗn hợp trứng + thịt vào chảo, rán vàng mặt dưới.

d Lật mặt còn lại, rán vàng.

– Câu hỏi đọc hiểu bài *Đi học vui sao* (trong *Tiếng Việt 3, tập một*, tr.44):

1. Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh như thế nào?

2. Những trang sách bạn nhỏ được học có gì thú vị?

3. Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi.

4. Nêu cảm xúc của bạn nhỏ khi tan học.

5. Em cảm thấy thế nào khi nghe tiếng trống tan trường?

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.

Sách *Tiếng Việt 3* chú trọng rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản đa phương thức cho HS (qua các yêu cầu đọc hiểu truyện tranh, quan sát tranh, sơ đồ, v.v...), đồng thời phát triển ở các em kỹ năng tư duy thông qua yêu cầu suy đoán, suy luận trong tiếp nhận văn bản.

- b) Ở kỹ năng viết, *Tiếng Việt 3* chú trọng phát triển kỹ năng viết cho HS và thiết kế các hoạt động viết theo một trình tự hợp lý đối với cả 3 nội dung: luyện viết chữ (chữ viết thường, chữ viết hoa), viết chính tả, viết đoạn văn.

Với yêu cầu viết đúng chính tả những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương, sách *Tiếng Việt 3* đã thiết kế nhiều bài học thú vị, giúp các em có ấn tượng sâu sắc để dễ dàng nhớ cách viết đúng từ dễ viết sai, viết lẫn. Ví dụ: bài tập Luyện từ và câu (trong *Tiếng Việt 3, tập một*, tr.53):

b. Giúp thỏ vượt chướng ngại vật để về nhà bằng cách trả lời các câu đố, biết rằng đáp án của mỗi câu đố đều có tiếng chứa *an* hoặc *ang*.

1. Tôi là màu hoa cúc
Tôi là màu hoa mai
Đố bạn màu gì đây?
Mong bạn đừng đoán sai.

Một màu sắc ?

2. Hạt đen ví như mắt
Cùi ngọt tựa đường phên
Hương thơm như mùi mật.

Một loại quả ?

3. Gà gáy ó ó
Một trời lơ rạng
Đố anh, đố bạn
Phải gọi buổi nào?

Một buổi trong ngày ?

4. Tôi mang âm thanh đến
Tôi chấp cánh cho lời
Tiếng tôi là nốt nhạc
Tôi là gì bạn ơi?

Một đồ vật ?

Với yêu cầu viết đoạn văn, HS lớp 3 được yêu cầu viết đoạn văn tường thuật, đoạn văn miêu tả, đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc, đoạn văn nêu lí do vì sao thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện,... Với thời lượng là 7 tiết/ tuần, thì nội dung viết đoạn văn được thiết kế ở tiết thứ 7, sau tiết luyện tập về từ và câu. Tất cả các nội dung học tập trong các bài học trong tuần (ở 6 tiết học trước) đều góp phần làm phong phú vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm cho HS, giúp các em có thể thực hiện tốt yêu cầu viết đoạn văn. Ngoài ra, yêu cầu viết đoạn còn kết nối với chủ điểm của các bài đọc. Vì thế, các văn bản đọc trong tuần cũng góp phần làm giàu vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cho HS để các em có thể hoàn thành bài viết của mình một cách thuận lợi.

So với lớp 2, yêu cầu viết đoạn văn ở lớp 3 có nâng cao về dung lượng và mở rộng thêm yêu cầu về kiểu văn bản. Do đó, *Tiếng Việt 3* đã chú trọng hơn đến việc hướng dẫn viết đoạn văn theo các bước: xác định nội dung viết, hình thành ý và sắp xếp ý cho đoạn văn, chỉnh sửa lỗi và hoàn thiện bài viết. Trước mỗi tiết thực hành viết một kiểu đoạn văn nào đó, các em được hướng dẫn cặn kẽ cách viết kiểu đoạn văn đó.

Theo Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3, kĩ năng viết đoạn văn đã nâng cao hơn về yêu cầu so với lớp 2. Do đó, *Tiếng Việt 3* chú trọng nhiều hơn đến việc hướng dẫn HS nắm vững quy trình viết từng kiểu đoạn văn theo đúng yêu cầu của chương trình. Dưới đây là ví dụ về cách hướng dẫn viết đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia trong *Tiếng Việt 3*, tập một, tr.25:

+ Bước 1: Quan sát 4 tranh liên hoàn, kể lại sự việc trong tranh (Nói).

 1. Quan sát tranh, kể lại các hoạt động trong từng tranh.



1



2



3



4

+ Bước 2: Thực hành kể lại 1 hoạt động đã làm cùng những người thân trong gia đình (Nói).

+ Bước 3: Viết lại ý đã kể (Viết).

2. Kể lại một hoạt động em đã làm cùng những người thân trong gia đình.

Kể lại một hoạt động

a. Giới thiệu

- Thời gian
- Địa điểm
- Người tham gia

b. Diễn biến

- Việc đầu tiên
- Việc tiếp theo
- Việc cuối cùng

c. Cảm nghĩ

- Suy nghĩ khi làm việc cùng mọi người
- Cảm xúc khi hoàn thành công việc

3. Viết 3 – 4 câu về những điều em đã kể theo gợi ý a, b hoặc c ở bài tập 2.



Đọc lại đoạn văn của em, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Ở các bài hướng dẫn viết đoạn văn, bên cạnh hệ thống câu hỏi gợi ý, *Tiếng Việt 3* còn tăng cường yếu tố trực quan (tranh ảnh, sơ đồ,...) giúp HS dễ dàng nắm bắt yêu cầu và cách thức thực hiện yêu cầu đối với mỗi kiểu bài. Cách thiết kế bài học như vậy sẽ giúp GV tổ chức dạy học viết đoạn văn một cách sinh động, hiệu quả.

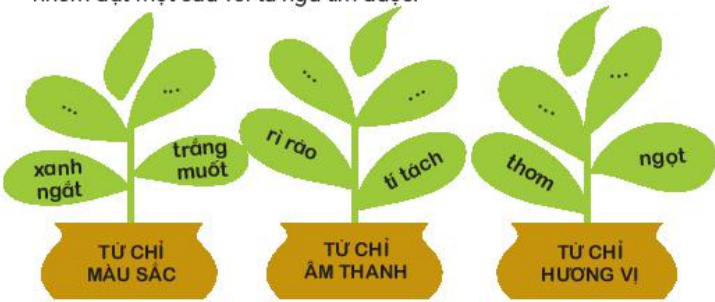
- c) Ở kĩ năng nói và nghe, *Tiếng Việt 3* dành nhiều thời lượng hơn cho luyện nói theo chủ đề, chủ điểm, tạo cơ hội cho HS rèn luyện kĩ năng nói chuẩn bị nội dung trình bày suy nghĩ, rèn kĩ năng bày tỏ ý kiến riêng mình của trước những vấn đề gần gũi với lứa tuổi và thiết thực trong đời sống hằng ngày của các em, đồng thời chú ý hướng dẫn các em kĩ năng lắng nghe, thái độ tôn trọng người nói và kĩ năng phản hồi tích cực. Do tăng cường luyện nói theo chủ đề, chủ điểm, yêu cầu về nghe và kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc giảm bớt. Các giờ học có nội dung kể lại câu chuyện đã nghe sẽ chú trọng hơn đến yêu cầu nghe hiểu câu chuyện.

1.2.4. Kiến thức tiếng Việt và văn học được truyền tải nhẹ nhàng, sinh động thông qua thực hành, luyện tập

Các kiến thức phổ thông về tiếng Việt và văn học cần cung cấp cho HS theo yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 3 được hình thành, củng cố và phát triển ở HS thông qua hoạt động thực hành. *Tiếng Việt 3* không cung cấp các kiến thức mang tính lí thuyết, hàn lâm. Trong các bài học, nội dung kiến thức được kết hợp một cách tự nhiên với hiểu biết, trải nghiệm của các em. Bài học luôn được bắt đầu từ những điều HS quan tâm, những điều các em đã biết, muốn biết để từ đó hướng vào những kiến thức các em cần hiểu biết. Với cách thiết kế bài học và tổ chức hoạt động dạy học như vậy, việc học tập môn Tiếng Việt trở nên nhẹ nhàng và thú vị hơn đối với HS. Dưới đây là một số ví dụ:

❑ Về từ chỉ đặc điểm: Ở lớp 2, HS đã nhận biết sơ bộ về từ chỉ đặc điểm (để phân biệt với từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động). Lớp 3 đưa ra yêu cầu cao hơn một chút: phân loại các từ chỉ đặc điểm theo một số nhóm. Sách đã thiết kế các bài tập như sau:

2. Tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây và mỗi nhóm đặt một câu với từ ngữ tìm được.



The image shows three potted plants. The first plant is labeled 'TỪ CHỈ MÀU SẮC' (Words for Color) and has leaves labeled 'xanh ngắt' (dark green) and 'trắng muốt' (pale). The second plant is labeled 'TỪ CHỈ ÂM THANH' (Words for Sound) and has leaves labeled 'rì rào' (rustling) and 'tỉ tách' (tapping). The third plant is labeled 'TỪ CHỈ HƯƠNG VỊ' (Words for Taste/Smell) and has leaves labeled 'thơm' (fragrant) and 'ngọt' (sweet).

3. Chọn từ chỉ đặc điểm trong khung thay cho ô vuông.

xanh um, nhộn nhịp, đỏ rực, râm ran, sớm

Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang, mấy cành phượng vĩ nở hoa . Tiếng ve kêu giữa những tán lá sấu . Gần đến trường, khung cảnh hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chia tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: “Mẹ ơi, chiều mẹ đón con nhé!”.

(Kim Ngân)

❑ Về nhận biết câu: Chương trình lớp 3 yêu cầu HS nhận biết câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến, SHS *Tiếng Việt 3* đã giúp HS nhận biết các câu này dựa vào trải nghiệm của HS. Dưới đây là bài tập nhận biết câu cảm:

2. Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau?

A

B

3. Những từ in đậm ở bài tập 2 bổ sung điều gì cho câu?

Cảm xúc của người nói

Mong muốn của người nói

Nội dung kể, tả, giới thiệu

4. Chuyển các câu dưới đây thành câu cảm (theo mẫu).

M: Quyển từ điển này hữu ích. → Quyển từ điển này hữu ích quá!

- Bạn ấy đọc nhiều sách.
- Thư viện trường mình rộng.
- Thư viện đóng cửa muộn.

Với cách nhận biết từ ngữ chú trọng vào nghĩa, nhận biết câu chú trọng vào mục đích sử dụng câu, qua thực hành nhiều lượt, các em sẽ nắm vững các kiến thức của môn học theo đúng yêu cầu của chương trình.

1.2.5. Nội dung ngữ liệu đọc, viết, nói và nghe của sách mới mẻ, cập nhật với cuộc sống hiện tại ở các vùng miền, phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS lớp 3 hiện nay

Nhân vật đóng vai trò chủ thể chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc trong hầu hết các văn bản được tuyển chọn trong *Tiếng Việt 3* đều là trẻ em ở độ tuổi HS lớp 3. Điều này giúp cho các em khi đọc các văn bản, tìm hiểu các bài học sẽ thấy gần gũi với mình và dễ dàng tiếp nhận. Nhiều điều trong cuộc sống được nhìn nhận, được lí giải, suy luận... theo cách tư duy của trẻ em, bằng ngôn ngữ của trẻ em, kể cả khi nói về những vấn đề, những khái niệm lớn lao như đất nước, ngôi nhà chung thế giới, v.v... Ví dụ, ở chủ điểm ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM, bài thơ *Đất nước là gì?* được chọn làm bài đọc mở đầu chủ điểm, giúp các em có khái niệm ban đầu về đất nước. Khái niệm “đất nước” được tác giả viết theo ngôn ngữ và cách tư duy của trẻ em nên các em sẽ tiếp nhận một cách dễ dàng, hứng thú:



ĐẤT NƯỚC LÀ GÌ?

Cho con hỏi nhé
Đất nước là gì
Vẽ bằng bút chì
Có vừa trang giấy?
Làm sao để thấy
Núi cao thế nào
Biển rộng là bao
Cách nào đo nhỉ?



Hay là con nghĩ
Đất nước trong nhà
Là mẹ là cha
Là cờ Tổ quốc?
Văn thơ con thuộc
Bài văn con làm
Tiếng Việt dịu dàng
Có là đất nước?



Là đường con bước
Là sông con bơi
Là cánh chim trời
Là vầng mây trắng?
Mặt trời khoe nắng
Cho ngày đẹp hơn
Mọi điều giản đơn
Cộng thành đất nước.
(Huỳnh Mai Liên)

Ngữ liệu trong *Tiếng Việt 3* bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa văn bản văn học và văn bản thông tin (16 văn bản thơ, 39 văn bản truyện và văn bản miêu tả, 7 văn bản thông tin trong tổng số 62 văn bản; chưa tính các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì và cuối kì); tăng tỉ lệ văn bản thông tin và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với các sách *Tiếng Việt* trước đây. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa, sắp xếp phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 3* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS tình yêu gia đình, bạn bè, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; bước đầu giới thiệu với các em thế giới bên ngoài để từng bước hình thành, phát triển ý thức, hiểu biết về công dân toàn cầu, v.v... Các em cũng được phát triển kĩ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.6. Tiếp nối Tiếng Việt 1 và Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3 chú ý dành thời gian cho hoạt động Đọc mở rộng

Ở hoạt động Đọc mở rộng, HS được khuyến khích tự tìm sách, báo để đọc và có cơ hội chia sẻ trên lớp kết quả đọc sách với các bạn. *Tiếng Việt 3* đưa ra các văn bản đọc mở rộng để HS có thể đọc hoặc tham khảo cách tìm, cách lựa chọn văn bản đọc theo yêu cầu. Qua hoạt động này, HS có cơ hội được tự chọn ngữ liệu (truyện, thơ, văn bản thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp, biết chia sẻ với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp. Nhờ đó, HS từng bước hình thành, phát triển thói quen và hứng thú đọc sách, phát triển kĩ năng tự đọc, tự học để mở rộng hiểu biết. Ví dụ:

❑ Hướng dẫn tìm đọc ở nhà:



Tìm đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc liên quan đến công việc làm bếp.

Ví dụ:

Vào bếp thật vui

Ở trong nhà ta

Bếp là vui nhất:

Có một lọ mặt

Biết nói ngọt ngào

Mẹ cất trên cao

Kiến không ăn vụng!

Có một cái thúng

Nói cười xôn xao

Bởi vì ở trong

Rất nhiều hạt gạo!

Có một cái chảo

Đen nhem đen nhem

Ngọn lửa bùng lên

Chảo kêu: “Nóng! Nóng!”

Cái nồi nhôm bóng

Có thể soi gương

Hát khúc thân thương

“Bùng boong” vui nhộn

“Cốp, cốp” bận rộn

Là cái dao phay

Băm thịt mỗi tay

Thái rau loẹt xoẹt

Cái thớt nằm bẹp

Giúp việc cho dao

Ngoan ngoan làm sao

Không lời than thở!

Trên bếp có lửa

Trên lửa có nồi

Bé đã thấy rồi

Bếp là vui nhất!

(Thuy Anh)



☐ Hướng dẫn chia sẻ trên lớp:

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc về công việc làm bếp.
Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (...)	
– Tên bài: (...)	
– Tác giả: (...)	
Món ăn hoặc hoạt động làm bếp được nói đến: (...)	Thông tin quan trọng hoặc thú vị đối với em: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ những điều em đọc được.

1.2.7. Tranh ảnh minh họa và thiết kế trong Tiếng Việt 3 sinh động, bắt mắt

Không chỉ hình ảnh mà các loại bảng và sơ đồ cũng được sử dụng để tăng thêm hiệu quả trình bày. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học Tiếng Việt khi cầm cuốn sách trên tay và từng bước khám phá những bài học dành cho các em ở trong đó.

2 GIỚI THIỆU CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách

Tiếng Việt 3 được thiết kế thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần), mỗi tuần có 7 tiết.

Tập một có 32 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 16 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có 1 tuần Ôn tập giữa học kì và 1 tuần Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1. Ở đầu sách có *Lời nói đầu*; cuối sách có bảng thuật ngữ (*Một số thuật ngữ dùng trong sách*) và bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học ở tập một.

Tập hai có 30 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 15 tuần, mỗi tuần 2 bài. Ngoài ra, có 1 tuần Ôn tập giữa học kì và 1 tuần Ôn tập và đánh giá cuối học kì 2. Cuối sách có bảng thuật ngữ (*Một số thuật ngữ dùng trong sách*) và bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học ở tập hai.

Ngoài các bài học chính, mỗi tập sách đều có các trang mục lục (ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng nước ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong hai tập là như nhau. Các bài học được tổ chức theo chủ điểm. Tập một, các chủ điểm xoay quanh những vấn đề cá nhân/bản thân HS, nhà trường, gia đình, cộng đồng. Tập hai, các chủ điểm hướng đến vẻ đẹp của thiên nhiên, những vấn đề của cuộc sống xã hội, những bài học từ các mối quan hệ xã hội, đất nước Việt Nam và thế giới.

Mỗi tuần có 2 bài học: bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế để kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề

kiểm tra. Mức độ yêu cầu của đề ở từng học kì có thể linh hoạt trong giới hạn cho phép, tùy theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương, mỗi nhà trường và theo công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Cấu trúc bài học trong 1 tuần

2.2.1. Bài học thứ nhất (3 tiết)

Bài 3 tiết được phân bổ thời gian như sau:

- ☐ Tiết 1 và 2: Đọc, Nói và nghe (1 tuần nói theo chủ đề, 1 tuần kể chuyện)
- ☐ Tiết 3: Viết (viết chính tả và bài tập chính tả)

Tiết 1 và 2, hoạt động Đọc có thể học trong khoảng 1,5 tiết; hoạt động Nói và nghe học trong khoảng 0,5 tiết. Hoạt động Đọc gồm các nội dung: khởi động trước khi đọc, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng. Ngoài câu hỏi tự luận theo cách truyền thống, còn có một số dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan (áp dụng chủ yếu cho những câu hỏi có thể khó nếu HS phải trả lời theo hình thức tự luận) và câu hỏi được thiết kế kèm tranh minh họa, HS vừa phải hiểu văn bản, vừa phải hiểu nội dung tranh để trả lời. Ở một số bài đọc là thơ, còn có hoạt động học thuộc lòng đoạn thơ khoảng 60 chữ.

Tiết 3, hoạt động Viết gồm viết chính tả và làm bài tập chính tả. Hoạt động Nghe – viết hoặc Nhớ – viết một đoạn thơ hoặc đoạn văn (có độ dài khoảng 65 – 70 chữ) được thực hiện trong khoảng 15 phút, thời gian còn lại của tiết học dành cho việc thực hiện các bài tập chính tả âm, vần và nhận xét, đánh giá kết quả tiết học. Do quy định HS không được viết, điền vào SHS nên các câu lệnh ở phần bài tập chính tả âm, vần cho HS ở các vùng phương ngữ khác nhau nên sách nêu yêu cầu “chọn” bài tập, nhưng khi làm bài tập thì HS cần viết các từ ngữ có hiện tượng chính tả liên quan vào vở để hình thành kỹ năng viết đúng chính tả. GV có thể quyết định những từ ngữ nào cần viết căn cứ vào điều kiện thời gian và khả năng viết của HS.

Cuối mỗi bài 3 tiết, ngay sau phần viết chính tả và hoàn thành bài tập chính tả có hoạt động Vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là kể hoặc chia sẻ với người thân về câu chuyện đã nghe hoặc về một nội dung của chủ điểm đã trao đổi ở lớp.

2.2.2. Bài học thứ hai (4 tiết)

Bài 4 tiết được phân bổ thời gian như sau:

- ☐ Tiết 1 và 2: Đọc, Ôn chữ viết hoa hoặc Đọc mở rộng (1 tuần Ôn chữ viết hoa, 1 tuần Đọc mở rộng)

☐ Tiết 3 và 4: Luyện tập (1 tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt, 1 tiết luyện viết đoạn văn)

Tiết 1 và 2, hoạt động Đọc học trong khoảng 1,5 tiết (tương tự như bài 3 tiết); nửa tiết còn lại là Ôn chữ viết hoa hoặc Đọc mở rộng. Ở tuần có nội dung Ôn chữ viết hoa, HS được ôn luyện viết chữ hoa đã học ở lớp 2 nhưng mức độ yêu cầu cao hơn so với lớp 2. Trong khoảng nửa tiết, các em thường phải viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ của 2 chữ cái viết hoa (theo bảng chữ cái tiếng Việt) và câu ứng dụng. Ở tuần có nội dung Đọc mở rộng, HS được đọc sách theo những chỉ dẫn cụ thể, ghi chép phiếu đọc sách và chia sẻ những điều em đã đọc được với các bạn.

Tiết 3 và 4 là hoạt động Luyện tập. Tiết 3 luyện tập kiến thức tiếng Việt (từ, câu, biện pháp tu từ so sánh). Tiết 4 luyện viết đoạn văn.

Ở tiết 3, nội dung các kiến thức tiếng Việt trong Chương trình Tiếng Việt lớp 3 giúp HS phát triển vốn từ, kỹ năng đặt câu, trên cơ sở đó phát triển kỹ năng viết đoạn văn. Các nội dung luyện tập về từ và câu được triển khai có tính hệ thống, khoa học, kết nối hài hoà với các bài học trong tuần và phù hợp với HS lớp 3. Các bài tập luyện từ tập trung vào các trường từ vựng ngữ nghĩa, vừa kết nối với chủ điểm của bài học vừa cung cấp “nguyên liệu” cho phần viết đoạn. Các bài tập luyện câu tập trung vào các kiểu câu theo chức năng và mục đích phát ngôn mà không khai thác sâu vào đặc điểm cấu trúc của câu. Tương tự phần về từ, các bài tập luyện câu cũng kết nối với chủ điểm của bài học và nội dung từ vựng trong phần bài tập về từ mà HS thực hành ngay trên đó, đồng thời cũng kết nối với phần viết đoạn, phục vụ cho hoạt động Viết đoạn.

Ở tiết 4, HS được luyện viết đoạn. Trước khi yêu cầu HS thực hành viết một đoạn văn giới thiệu bản thân, hoặc tự thuật, miêu tả, nêu tình cảm, cảm xúc,... thường có tiết học (hoặc hoạt động) hướng dẫn nhận biết quy trình viết đoạn, cách thức chuẩn bị nội dung, cách sắp xếp ý,... cho đoạn văn. HS thường được luyện nói trước khi luyện viết (có sự hỗ trợ bằng những gợi ý, hướng dẫn và nhiều yếu tố trực quan) khiến cho nhiệm vụ viết đoạn trở nên nhẹ nhàng, dễ thực hiện hơn với các em.

Cuối mỗi bài 4 tiết, ngay sau phần viết đoạn văn có phần vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện đoạn văn, chia sẻ đoạn văn của mình với người thân hoặc chỉ dẫn các em tìm đọc sách báo (theo yêu cầu Đọc mở rộng của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3). Với yêu cầu Đọc mở rộng, SHS *Tiếng Việt 3* có đưa văn bản để HS tham khảo.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học nói chung

Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 3* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình môn Ngữ văn và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.

Về mặt phương pháp, GV cần chú trọng tổ chức hoạt động học như Đọc, Viết, Nói và Nghe cho HS. Để đáp ứng yêu cầu đó, GV cần nắm vững kỹ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá. GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí thân thiện trong lớp học, gây được hứng thú học tập cho HS.

GV cần nắm được yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS để hướng dẫn và hỗ trợ các em. Theo định hướng mới, HS cần phát huy vai trò chủ động, tích cực của

người học. Ở lớp 3, vai trò chủ động, tích cực đó được thể hiện chủ yếu qua: làm việc cá nhân; tham gia trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu; trình bày kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ; tương tác tích cực với GV. Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp đầu cấp Tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kĩ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS hoạt động nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 3 trở lên), chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng, đọc lại câu chuyện cho bạn nghe,... và học cá nhân để vận dụng những kĩ năng mới được học. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học theo nhóm và học độc lập là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

Tiếp nối lớp 2, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Hoạt động tương tác chủ yếu ở lớp 3 là HS trao đổi nhóm, cùng tham gia hoàn thành một nhiệm vụ. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng có ý nghĩa. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần hỗ trợ. Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kĩ năng giao tiếp. Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS tự tin, năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác.

3.2. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học đối với từng hoạt động

3.2.1. Dạy đọc

Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Tương tự lớp 2, ở lớp 3, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu quan trọng như nhau, nhưng kĩ năng đọc hiểu cần được tăng dần để chiếm “tỉ trọng” ngày càng cao hơn, chuẩn bị cho giai đoạn lớp 4 và 5 khi đọc hiểu được chú trọng hơn đọc thành tiếng. HS được đọc các văn bản có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 2 và phù hợp với yêu cầu của chương trình.

Tiếp nối lớp 2, đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai dựa theo một câu chuyện cũng cần được chú ý khai thác nhiều hơn. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của văn bản đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa HS với HS, giữa GV và HS, tăng cường hoạt động thảo luận nhóm. Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán nội dung VB. Nâng cao hơn so với lớp 2, ở lớp 3, GV nên áp dụng yêu cầu này đối với tất cả đối tượng HS. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

3.2.2. Dạy viết

Ở lớp 3, HS được luyện viết chính tả và viết đoạn văn ngắn. Yêu cầu về viết chữ (viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa nêu trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 3) không có tiết học riêng như ở lớp 2, song được tích hợp rèn luyện ở nội dung dạy viết chính tả và viết đoạn văn. Về phương pháp dạy viết chính tả (nghe – viết và nhớ – viết) nhìn chung vẫn kế thừa phương pháp dạy học trước đây. Về phương pháp dạy viết đoạn văn, tương tự lớp 2, ở lớp 3, HS được hướng dẫn luyện tập theo một quy trình phù hợp, qua từng bước: Bắt đầu từ hoạt động tìm kiếm, huy động thông tin và ý tưởng bằng hình thức làm việc cá nhân rồi trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm, trước lớp, sau đó HS thực hành viết dựa trên thông tin và ý tưởng được chuẩn bị. Trước khi viết, GV có thể cho HS lập dàn ý bằng cách hướng dẫn các em điền những thông tin, ý tưởng đã được chuẩn bị (làm việc cá nhân, làm việc nhóm,...) vào mẫu cho sẵn. HS chỉ cần viết ra dưới hình thức các từ ngữ ngắn gọn, chưa phải viết thành câu. Từ dàn ý đã lập như vậy, các em thực hành viết đoạn văn trọn vẹn. Việc đặt hoạt động viết đoạn văn (tập làm văn) vào cuối mỗi tuần, kết nối, tích hợp giữa đoạn văn cần viết với nội dung của các bài đọc trong tuần và hướng dẫn HS viết theo quy trình vừa nêu trên nhằm bảo đảm HS được chuẩn bị đầy đủ các công cụ và chất liệu cho hoạt động viết để các em vừa viết đúng yêu cầu của chương trình vừa có khả năng sáng tạo.

3.2.3. Dạy nói và nghe

Ở lớp 3, dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe. Khác với lớp 2, ở lớp 3, hoạt động Nói và nghe theo chủ điểm được chú trọng hơn, nhiều nội dung được thiết kế mở hơn. Tuy vẫn gắn với nội dung bài đọc, nhưng nội dung nói và nghe đòi hỏi HS phải có nhiều liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của người học. Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý tạo cơ hội để HS được tranh luận về một số nội dung có ý kiến khác biệt hay trái ngược nhau, từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập.

4 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 3* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở lớp 1 và lớp 2.

4.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

4.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

4.2.1. Đánh giá phẩm chất học sinh thông qua các biểu hiện:

- ☐ Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống; yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; yêu thương những người xung quanh; không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn; sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.
- ☐ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết; có ý thức tham gia các công việc của gia đình và của nhà trường vừa sức với bản thân.
- ☐ Thật thà, trung thực trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.
- ☐ Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.

4.2.2. Đánh giá năng lực chung của học sinh, bao gồm:

- ☐ Năng lực tự chủ và tự học: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.
- ☐ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.
- ☐ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

4.2.3. Đánh giá năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe), bao gồm:

- ☐ Đọc: Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Tương tự lớp 2, ở lớp 3, việc đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng vẫn cần được coi trọng; tập trung vào yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy và theo tốc độ như chương trình quy định.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến những nội dung hàm ẩn phức tạp hơn so với lớp 2. Bên cạnh đó, *Tiếng Việt 3* cũng thiết kế một số câu hỏi tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về đặc điểm thể loại hay kiểu loại VB và đặc điểm ngôn ngữ của VB đọc. Việc thiết kế những câu hỏi liên quan đến thể loại hay loại VB này sẽ giúp HS từng bước định hình được “mô hình đọc hiểu” đối với từng thể loại hay loại VB.

- ☐ Viết: Đánh giá kĩ năng viết dựa trên nhiều hình thức viết đa dạng với những yêu cầu khác nhau: nghe viết chính tả và viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu về kiểu VB viết được quy định trong chương trình. Ngoài đánh giá kĩ năng viết đúng chính tả, cần chú ý đến

đánh giá kĩ năng dùng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là kĩ năng viết đoạn văn dựa trên những ý tưởng sáng tạo và đúng với yêu cầu về kiểu VB theo yêu cầu của chương trình. Đây là bước khởi đầu để HS có được kĩ năng viết bài văn hoàn chỉnh ở các lớp trên.

□ Nói và nghe: Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng nói rõ với tốc độ phù hợp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện HS hiểu được nội dung đã nghe.

4.3. Về cách thức đánh giá

Các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính dựa vào kết quả GV quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học; vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình.

5 MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Tiếng Việt lớp 3 được học trong 245 tiết, phân bổ trong 35 tuần, mỗi tuần có 7 tiết học. Nhà trường có thể linh hoạt sắp xếp thời gian học môn Tiếng Việt theo cách chia thời gian trung bình, mỗi tuần 7 tiết, hoặc điều chỉnh tăng giảm số tiết trong mỗi tuần tùy theo yêu cầu về tiến độ học của HS ở mỗi giai đoạn và những ảnh hưởng của các yếu tố khác miễn sao bảo đảm trong năm lớp 3, HS được học Tiếng Việt đủ 245 tiết.

Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 chú trọng dạy học phát triển năng lực HS. Việc dạy học theo Chương trình và SGK mới đòi hỏi phải đáp ứng khả năng học tập khác nhau của từng HS. Vì vậy, khi tổ chức dạy học theo SGK, chắc chắn GV phải có những điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm HS ở các vùng miền, giữa các nhà trường, thậm chí sự khác nhau giữa các lớp và giữa các nhóm HS trong một lớp. Nhà trường, cùng với tổ bộ môn có thể xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt của khối lớp ở mỗi nhà trường theo các mục như dưới đây:

TUẦN (1)	Tên bài học (2)	Thời lượng dạy học (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Nội dung dạy học (kiến thức/ kĩ năng) (5)	Phương pháp dạy học (6)	Đánh giá kết quả học tập (7)	Thiết bị dạy học (8)	Ghi chú (mô tả những điều chỉnh trong 8 cột bên so với Chương trình quốc gia nếu có, chủ yếu ở cột (5) Nội dung dạy học)
-------------	--------------------------	------------------------------------	---------------------------	---	----------------------------------	--	----------------------------------	--

Có thể thiết kế theo từng tuần học (cột 1) để tiện kiểm soát kế hoạch thực hiện chương trình. Cụ thể:

Cột 1: Ghi rõ từng tuần học.

Cột 2: Ghi rõ từng bài học (theo SGK mới, mỗi tuần sẽ thiết kế thành các bài học, số lượng bài học mỗi tuần, ghi rõ từng tên bài học trong tuần).

Cột 3: Ghi rõ thời lượng dạy học của từng bài.

Cột 4: Ghi rõ yêu cầu cần đạt (Lưu ý: Yêu cầu cần đạt nêu trong văn bản chương trình môn học là yêu cầu tối thiểu ở thời điểm cuối năm học. Khi xác định yêu cầu cần đạt, cần xác định mức độ yêu cầu cần đạt ở từng giai đoạn cho phù hợp và nên có mục đích yêu cầu với các nhóm HS có năng lực khác nhau).

Cột 5: Nêu khái quát nội dung dạy học của môn học (VD: Đọc / Viết / Nghe – Nói / Kiến thức về từ và câu,...)

Cột 6: Gợi ý PPDH phù hợp với bài học, với đặc điểm HS và điều kiện dạy học của trường/lớp.

Cột 7: Dự kiến nội dung trọng tâm cần đánh giá kết quả học tập của HS (đánh giá thường xuyên/định kì).

Cột 8: Gợi ý sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với bài học.

Cột 9: Mô tả những điều chỉnh trong 8 cột nêu trên so với Chương trình quốc gia (nếu có), chủ yếu ở cột (5) Nội dung dạy học.

Việc lập kế hoạch dạy học của nhà trường và xây dựng kế hoạch dạy học đã trở thành nhiệm vụ tất yếu ở các trường phổ thông hiện nay. Nhiều nhà trường có những định hướng khác nhau về phát triển chương trình nhà trường trong khuôn khổ quyền tự chủ được trao.

6 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

6.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khẩn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau:

- Một là nền tảng sách điện tử *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát Chương trình, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận chương trình mới.
- Hai là nền tảng *Tập huấn* GV trực tuyến. *Tập huấn* hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bồi trợ và hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được NXBGDVN cung cấp xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục (QLGD) và GV sử dụng các bộ SGK. NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:

* *Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới*

Trong năm 2022, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2022 khoảng hơn 10 000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2 và lớp 6 theo Chương trình và SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2022.

* *Đảm bảo cách thức tiếp cận (nguồn tài nguyên sách) dễ dàng, có tính ứng dụng cao*

- Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.
- Đối với nền tảng *Tập huấn* GV trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm nào trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng “Trải nghiệm ngay” để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Các tài liệu có thể xem trực tiếp trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập.

* *Hỗ trợ thường xuyên trong năm học*

Nhằm hỗ trợ tối đa các cán bộ QLGD, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ – 19004503 (hoạt động 08:00-17:00, từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới hai nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp.

Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

6.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

6.2.1. Giới thiệu về Hành trang số

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy, học tập của GV và HS. *Hành trang số* bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử; Luyện tập; Thư viện.

- Tính năng Sách điện tử cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo chương trình mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra đánh giá,... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.
- Tính năng Luyện tập cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và VBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn làm bài tập, Bàn phím ảo, Tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, VBT, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập tự kiểm tra, đánh giá bám sát Chương trình, SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.
- Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ Chương trình, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục của SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

6.2.2. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy Chương trình, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Việc cấp tài khoản trên *Tập huấn* được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho các phòng giáo dục và đào tạo; phòng giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

- Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới đa dạng các định dạng: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ quý thầy cô truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.
- Đối với tài khoản cấp QLGD (sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lý giáo dục.

6.2.3. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của 4 bộ SGK lớp 1 với đa dạng định dạng và nội dung như: video tiết học minh hoạ; tài liệu tập huấn (PDE, PowerPoint, Word); hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học; bài kiểm tra, đánh giá; video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: “Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm hai loại: (1) Tương tác một chiều: Học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,..., hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...”

- Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 12/2020, NXBGDVN đã đăng tải hơn 6 000 học liệu điện tử đối với 4 bộ SGK lớp 1, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* là hơn 10 000 học liệu. Định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.
- Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4 100 bài tập tương tác theo Chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm

nhiều đáp án đúng, chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý của mỗi bộ sách, tham vấn sách GV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

6.2.4. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Quý thầy cô có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, việc nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.
- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng “Luyện tập”. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.
- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, các thầy cô có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK
- Ngoài ra quý thầy cô cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, quý thầy cô có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Tiếng Việt 3 có 2 dạng bài cơ bản: bài 3 tiết và bài 4 tiết. Để triển khai dạy học từng bài, GV cần tìm hiểu kĩ mục tiêu bài học, nắm vững những kiến thức cần thiết cho bài học và chuẩn bị phương tiện dạy học như SGK yêu cầu. Ngoài ra, GV có thể chuẩn bị thêm những phương tiện dạy học khác cho những “kịch bản” mà các thầy cô sáng tạo thêm.

Trước khi bắt đầu bài học mới, GV cho HS ôn lại bài cũ, chủ yếu theo hình thức HS nhắc lại tên bài học cũ và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

1 TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG

Ở cả hai dạng bài, việc tổ chức hoạt động dạy học có một số điểm giống nhau:

1. Khởi động

GV có thể sử dụng nhiều hình thức đa dạng để hoạt động Khởi động sát với nội dung văn bản đọc và khơi gợi được hứng thú của HS, đáp ứng được mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm, cảm xúc để chuẩn bị tiếp nhận nội dung văn bản đọc. Có những hình thức khởi động phổ biến có thể áp dụng như: cho HS quan sát tranh và phát biểu ý kiến về nội dung tranh; đọc một tình huống và đưa ra cách giải quyết; đọc một câu hỏi, sau đó cùng nhau trả lời câu hỏi hoặc chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc với các bạn,... GV cũng có thể nêu một vấn đề vừa liên quan đến nội dung của văn bản, vừa gần gũi với hiểu biết, trải nghiệm của HS để các em suy nghĩ, trao đổi, thảo luận và trình bày trong nhóm và trước lớp.

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV giới thiệu, gợi mở về nội dung bài đọc. Cần lưu ý là chỉ đưa ra một vài chi tiết ban đầu để khơi gợi hứng thú của HS chứ không tóm tắt nội dung văn bản. Cần đặt những câu hỏi hướng dẫn HS suy nghĩ, dự đoán, tạo cơ hội cho HS phát triển năng lực tư duy và cảm thấy hứng thú với bài học.
- + GV (hoặc 1 HS đọc tốt) đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý đọc đúng ngữ điệu, chẳng hạn với văn bản truyện thì đọc phân biệt rõ lời người kể chuyện và lời nhân vật; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm văn bản trong khi nghe GV đọc mẫu.
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em.

- + GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài.
- + GV chia văn bản thành các đoạn.
- HS luyện đọc theo nhóm:
- + HS đọc nối tiếp từng đoạn theo nhóm cho đến hết bài.
- + GV giúp đỡ những HS gặp khó khăn khi đọc bài, khen ngợi những HS đọc tiến bộ.
- + GV mời 1 – 2 HS đọc lời giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong văn bản.
- GV mời 1 HS đọc lại toàn bộ văn bản.

3. Trả lời câu hỏi

Để trả lời các câu hỏi, GV tổ chức cho HS làm việc theo nhiều hình thức: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc chung cả lớp.

- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án.
- + GV mời 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét. Với những câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS trình bày theo quan điểm riêng.
- Hình thức làm việc chung cả lớp:
- + Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm. (GV có thể nhắc HS đọc lại đoạn văn có liên quan và tìm câu trả lời.)
- + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất một hoặc nhiều cách trả lời.

Lưu ý:

- Sau khi chốt câu trả lời, tùy theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế.
- Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần theo dõi các nhóm, hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong nhóm.

2 TỔ CHỨC DẠY HỌC NHỮNG NỘI DUNG RIÊNG CỦA TỪNG DẠNG BÀI

Ngoài những nội dung chung trên đây (2 tiết), mỗi bài 3 tiết hoặc 4 tiết có những nội dung riêng.

BÀI 3 TIẾT

Ví dụ:

Bài 1 NGÀY GẶP LẠI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Ngày gặp lại*. Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trải nghiệm mùa hè của bạn nhỏ nào cũng đều rất thú vị và đáng nhớ, dù các bạn chỉ ở nhà hoặc được đi đến những nơi xa, dù ở thành phố hay nông thôn.
2. Nói được những điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè của mình.
3. Viết đúng chính tả bài thơ *Em yêu mùa hè* (theo hình thức nghe – viết) trong khoảng 15 phút. Viết đúng từ ngữ chứa *c/ k*.
4. Biết khám phá bản thân, biết quý trọng những trải nghiệm đã có, biết nhận ra niềm vui qua mỗi trải nghiệm, có đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ và hành động của nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh họa chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị* và bài đọc *Ngày gặp lại*, tranh ảnh minh họa cho phần Nói và nghe.
- Tranh minh họa ở bài tập chính tả.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ĐỌC

1. Khởi động

- GV hướng dẫn HS xem tranh chủ điểm và nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ một chiếc ô tô ngộ nghĩnh chở mấy bạn nhỏ và rất nhiều đồ trên nóc. Trong xe, các bạn đang cười tươi, vẫy tay rồi rít chào ông mặt trời. Ông mặt trời cũng đang cười tít, giơ tay chào các bạn. Có lẽ các bạn đã có một kì nghỉ hè tuyệt vời với những trải nghiệm vô cùng thú vị.).
- GV giới thiệu chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị*. (VD: Đây là chủ điểm mở đầu của sách *Tiếng Việt 3*. Ở chủ điểm *Những trải nghiệm thú vị*, các em sẽ được đọc những câu chuyện, bài thơ, bài văn,... viết về những trải nghiệm của các bạn nhỏ. Trải nghiệm của mỗi bạn mỗi khác, nhưng đều vui vẻ, có ích, giúp các bạn khám phá và thể hiện bản thân mình. Qua những trải nghiệm của các bạn, các em sẽ thấy điều gì đó giống trải nghiệm của các em và nhận ra những điều bổ ích, lí thú qua những trải nghiệm đó.)

- GV giao nhiệm vụ:
- + Làm việc theo nhóm: đọc to câu hỏi khởi động và thảo luận.
- + Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp (Tưởng tượng em gặp lại bạn sau một kì nghỉ dài. Em sẽ nói gì với bạn?).
- + HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.
- + HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể gợi ý các em nhớ lại những câu nói, câu chuyện mà các em đã chia sẻ với nhau trong ngày đầu tiên gặp lại sau kì nghỉ hè vừa qua.
- GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. (VD: Tranh vẽ cảnh hai bạn nhỏ đang trò chuyện vui vẻ ở hiên nhà. Bạn trai đang cười tươi và có vẻ như đang nói chuyện. Bạn gái cầm một chiếc diều và cũng cười rất tươi, như đang lắng nghe bạn trai nói. Có lẽ hai bạn đang rất vui và có nhiều điều để kể cho nhau nghe). Sau đó, GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Ngày gặp lại* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Ngày gặp lại*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu câu chuyện nói về niềm vui trong ngày gặp lại giữa hai bạn Chi và Sơn, hai bạn đã kể cho nhau nghe những trải nghiệm thú vị sau thời gian nghỉ hè.).

2. Đọc văn bản

- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).
- GV hướng dẫn HS đọc:
- + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *cửa sổ, tia nắng, thế là, năm học, mừng rỡ, gặp lại, bãi cỏ, lấp lánh,...*).
- + Cách ngắt giọng ở câu dài, VD: *Sơn về quê từ đầu hè,/ giờ gặp lại,/ hai bạn/ có bao nhiêu chuyện.; Sơn kể ở quê,/ cậu được theo ông bà/ đi trồng rau,/ câu cá.; Ngày mai đi học rồi,/ nhưng mùa hè/ chắc sẽ theo các bạn vào lớp học.*
- + Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp, chú ý các lời thoại:
 “Cho cậu này.”: đọc nhanh, vui.
 “Tớ chẳng được đi đâu.”: đọc chậm, buồn.
- GV cùng HS chia đoạn đọc (đoạn 1: từ đầu đến *Cho cậu này*, đoạn 2: tiếp theo đến *bầu trời xanh*, đoạn 3: tiếp theo đến *Ừ nhỉ*, đoạn 4: tiếp theo đến hết), 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.
- HS làm việc nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.
- HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.
- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.
- GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui khi gặp lại nhau của Chi và Sơn.*

- GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.
- GV hướng dẫn cách thực hiện:
- Bước 1: Làm việc cá nhân
- + Đọc thầm lại VB.
- + Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui khi gặp lại nhau của Chi và Sơn.
- Bước 2: Làm việc nhóm
- + Từng bạn phát biểu ý kiến, cả nhóm góp ý và bổ sung nếu chưa đầy đủ.
- + Bầu một bạn trình bày ý kiến trước lớp.

Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và HS nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất đáp án. (Sơn vậy rồi rít; Sơn cho Chi một chiếc điều rất xinh; Chi mừng rỡ chạy ra; Hai bạn có bao nhiêu chuyện để kể với nhau.)

Câu 2. Sơn đã có những trải nghiệm gì trong mùa hè?

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS chuẩn bị câu trả lời.

– HS trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– HS và GV thống nhất đáp án. (Sơn đã theo ông bà đi trồng rau, câu cá; cùng các bạn đi thả điều.)

Câu 3. Trải nghiệm mùa hè của Chi có gì khác với Sơn?

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại VB.

+ Tìm các chi tiết nói về trải nghiệm trong mùa hè của Chi.

+ Xem lại câu trả lời của câu hỏi 2 về trải nghiệm mùa hè của Sơn.

+ So sánh trải nghiệm mùa hè của hai bạn (GV gợi ý: khác biệt về địa điểm, hoạt động,...)

– Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng bạn phát biểu ý kiến.

+ Cả nhóm góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

+ Bầu bạn phát biểu trước lớp.

– Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung đáp án. (GV có thể kẻ bảng so sánh)

	Kì nghỉ hè của Sơn	Kì nghỉ hè của Chi
Địa điểm	– Ở quê	– Ở nhà
Hoạt động	– Theo ông bà đi trồng rau, câu cá – Cùng bạn thả điều	– Tập đi xe đạp cùng bố – Đạp xe đi khắp nơi

Câu 4. Theo em, vì sao khi đi học, mùa hè sẽ theo các bạn vào lớp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

a. Vì các bạn vẫn nhớ những câu chuyện về mùa hè.

b. Vì các bạn sẽ kể cho nhau nghe những câu chuyện về mùa hè.

c. Vì các bạn sẽ mang những kỉ niệm của mùa hè đến lớp.

– GV nêu yêu cầu. GV lưu ý HS, đây là câu hỏi lựa chọn theo ý HS (có thể chọn nói theo ý a, b, c hoặc nêu ý kiến riêng của các em), chứ không phải câu hỏi chỉ có một đáp án duy nhất.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ HS làm việc cá nhân: đọc thầm lại đoạn cuối VB, suy nghĩ, lựa chọn phương án a, b, c hoặc ý kiến khác. Nhắm lại phương án đã chọn.

+ HS làm việc nhóm: từng HS nêu suy nghĩ của mình, các HS khác góp ý, nhận xét.

+ HS làm việc cả lớp: 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp. GV khen ngợi các bạn trình bày to, rõ ràng, đặc biệt khen ngợi các bạn có ý kiến riêng, hay.

– Nếu còn thời gian, hoặc với HS khá giỏi, GV có thể nêu câu hỏi mở rộng: Trong ngày đầu tiên gặp lại bạn bè sau kì nghỉ hè, các em có mang theo mùa hè đến lớp giống Chi và Sơn không? Các em mang mùa hè đến lớp bằng cách nào?

4. Luyện đọc lại

- Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.
- HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc theo.

NÓI VÀ NGHE

Hoạt động này có 2 yêu cầu. Tùy theo khả năng của HS, GV có thể hướng dẫn HS nói theo 1 hoặc cả 2 yêu cầu. (Yêu cầu thứ 2 là yêu cầu mở rộng đối với HS khá giỏi).

1. Kể về điều em nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua.

- GV mời 1 HS đọc to chủ đề (Mùa hè của em) và yêu cầu trước lớp (*Kể về điều nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua*).
- HS làm việc theo nhóm, từng HS kể về điều HS nhớ nhất trong mùa hè của mình. HS có thể nói nhiều điều HS nhớ. GV khuyến khích HS suy nghĩ tích cực về mùa hè vừa qua (VD: Nếu HS không làm điều gì đặc biệt, đáng nhớ trong hè, thì việc HS giữ một mùa hè an toàn, khỏe mạnh đã là một điều đáng khích lệ).
- 2 – 3 HS trình bày trước lớp.
- GV khen ngợi, động viên HS.
- Tùy vào tình hình của HS, GV có thể gợi ý từ buổi trước (buổi tập trung HS trước khi bắt đầu học chính thức) HS mang các vật kỉ niệm trong mùa hè đến lớp để giới thiệu với các bạn trong nhóm (tranh, ảnh, vật kỉ niệm,...).

2. Mùa hè năm nay của em có gì khác với mùa hè năm ngoái?

- HS đọc yêu cầu trước lớp.
- GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp.
- + Mỗi HS đọc thầm các gợi ý trong sách, và suy nghĩ về các hoạt động trong hai mùa hè của mình. (VD: hè trước, HS ở nhà đọc sách, vẽ tranh...; hè này, HS tập bơi, tập đạp xe...).
- + HS chia sẻ với bạn về các hoạt động trong hai mùa hè của mình. HS nói với bạn cảm xúc của mình (thích mùa hè nào hơn). HS còn lại lắng nghe, đặt câu hỏi nếu muốn biết rõ hơn.
- + HS đổi vai nghe – nói.
- 3 – 4 HS trình bày ý kiến trước lớp.
- GV khơi gợi HS suy nghĩ mình đã trưởng thành và làm mọi việc càng ngày càng tốt hơn. GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong trình bày.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

- GV giới thiệu bài thơ *Em yêu mùa hè*. (VD: Bài thơ tả cảnh vật thiên nhiên khi mùa hè về qua cảm nhận của bạn nhỏ. Qua khung cảnh thiên nhiên hè đặc trưng, chúng ta thấy được tình cảm yêu mến mà bạn nhỏ dành cho mùa hè.)
- GV đọc bài thơ, sau đó 4 HS đọc nối tiếp (mỗi em đọc 1 khổ thơ).
- GV hướng dẫn HS các nội dung sau:
 - + Cách trình bày bài thơ 4 chữ: quan sát bài thơ trong SHS (hoặc nhìn trên bảng/màn hình).
 - + Viết hoa tên bài và các chữ đầu mỗi dòng thơ.
 - + Chú ý dấu chấm và chấm than cuối câu.
- Nghe GV đọc từng cụm từ hoặc từng dòng thơ, ghi nhớ và viết vào vở.
- Nghe GV nhận xét bài viết của một số bạn.

2. Tìm và viết tên sự vật bắt đầu bằng *c* hoặc *k* trong các hình.

- GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.
- HS làm việc nhóm.
- + Cùng nhau quan sát tranh, gọi tên các đồ vật và tìm tên sự vật bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.
- + Đối chiếu kết quả với nhóm khác.
- Đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài, cả lớp nhận xét, góp ý.
- GV chốt đáp án trên bảng lớp, kết hợp chỉ vào hình ảnh theo thứ tự: *kính, cây, kim, kéo, cân, kéo, cờ, cửa*.
- HS viết vào vở các từ đã tìm được.

3. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

- GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.
- HS làm việc theo nhóm, từng HS nêu những từ ngữ mà mình tìm được. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.
- Đại diện 3 – 4 nhóm trình bày trước lớp.
- GV ghi các đáp án lên bảng. GV có thể kẻ bảng theo gợi ý:

	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động
<i>c</i>	cặp, cầu, cột, cốc, cần câu, cần câu,...	cười, cầm, cần, cắt, cúi xuống, cắm hoa, cất giữ,...
<i>k</i>	kem, kèn, kim, thước kẻ, keo dán, kén tằm,...	kí, công kênh, kéo co, kiễng chân, tìm kiếm, kiểm tra,...

- GV có thể tổ chức hoạt động này dưới hình thức thi tìm nhanh tên đồ vật theo yêu cầu. Lựa chọn hình thức nào là tùy thuộc GV và điều kiện của lớp.

VẬN DỤNG

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng.
- GV gợi ý HS nghĩ đến các hoạt động mà các em thích trong kì nghỉ hè, đặc biệt là các hoạt động mà trong năm học các em không có thời gian (hoặc ít thời gian) để thực hiện: đi chơi (về quê, du lịch,...), thể thao (bơi lội, tập xe, chơi các môn bóng,...), các hoạt động khác trong gia đình (đọc sách truyện, xem phim,... với thời gian dài hơn những ngày đi học).

- GV khuyến khích HS trao đổi với người thân để cùng lên kế hoạch cho hè năm sau.
- HS suy nghĩ, sắp xếp các ý và chia sẻ với người thân của mình.
- GV lưu ý HS khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân.

CỦNG CỐ

- GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, ví dụ (chọn một cách dưới đây):
- + Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.
- + Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc và bài viết.
- + Chốt lại hôm nay HS đã được:
- * Đọc và tìm hiểu văn bản *Ngày gặp lại*
- * Nói về mùa hè của em
- * Nghe viết bài thơ *Em yêu mùa hè*
- * Viết chính tả phân biệt c/ k
- GV có thể nhắc lại về chủ điểm, nói rõ thêm đây là bài học đầu tiên của chủ điểm đầu tiên trong sách *Tiếng Việt 3*. Bài đọc *Ngày gặp lại* cho các em thấy mùa hè của các bạn nhỏ có những trải nghiệm rất vui vẻ, ý nghĩa. Những trải nghiệm đó khiến ngày hè của hai bạn nhỏ vô cùng đáng nhớ. Vì thế bạn nhỏ cảm thấy rất vui và mong muốn chia sẻ niềm vui đó với bạn của mình, thậm chí các bạn còn tưởng tượng sẽ mang cả mùa hè đến lớp học qua những câu chuyện mà mình chia sẻ.
- GV dặn dò HS: Về nhà chia sẻ với người thân những mong muốn của em về kì nghỉ hè năm tới.

BÀI 4 TIẾT

Bài 2 VỀ THĂM QUÊ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và rõ ràng bài thơ *Về thăm quê*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc qua giọng đọc.
b. Nhận biết được tình cảm, suy nghĩ của bạn nhỏ khi nghỉ hè được về quê thăm bà, nhận biết được những tình cảm bà – cháu thông qua từ ngữ, hình ảnh miêu tả cử chỉ, hành động, lời nói, suy nghĩ của nhân vật.
2. Viết đúng chữ viết hoa A, Ă, Â cỡ nhỏ, viết đúng từ ngữ và câu ứng dụng có chữ viết hoa A, Ă, Â.
3. Dựa vào tranh minh họa, tìm được từ ngữ chỉ sự vật (từ ngữ chỉ người, chỉ con vật) và từ ngữ chỉ hoạt động của người, của con vật. Đặt được câu giới thiệu và câu nêu hoạt động.
4. Biết viết tin nhắn trên điện thoại.
5. Hình thành và phát triển tình cảm yêu quê hương, sự quan tâm, yêu quý, biết ơn đối với những người thân trong gia đình, dòng họ.
6. Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ viết về các hoạt động yêu thích của trẻ em).

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Văn bản thơ và một số điểm đặc trưng của thơ (thể hiện cảm xúc, tâm trạng; ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh; nhịp điệu,...).
- Từ loại tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ, video về những hoạt động của HS khi nghỉ hè ở quê (nếu có).
- Sách, truyện phục vụ yêu cầu đọc mở rộng.
- Tranh ảnh minh hoạ để gợi ý tìm từ ngữ theo nội dung bài luyện tập về từ và câu (hoặc phiếu học tập cá nhân/ nhóm, nếu chuẩn bị được).
- Điện thoại di động để luyện tập viết tin nhắn.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Ngày gặp lại*. Mỗi em trả lời một câu hỏi cuối bài đọc theo yêu cầu của GV hoặc:

- Nêu những hoạt động thú vị trong kì nghỉ hè của bạn nhỏ trong câu chuyện.
- Cho biết tên câu chuyện muốn nói điều gì.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV hướng dẫn HS cách thực hiện HĐ: Hỏi – đáp về những việc em đã làm cùng người thân trong kì nghỉ hè. Có thể nói lên suy nghĩ, cảm xúc của mình khi được tham gia làm việc cùng người thân.
- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV (có thể hỏi – đáp theo cặp hoặc theo nhóm); có thể 1 – 2 em phát biểu trước lớp.
- Giới thiệu bài mới:
 - + GV có thể cho HS xem một số hoạt động của trẻ em khi được nghỉ hè ở thành thị hoặc ở những vùng quê khác nhau (nếu chuẩn bị được). Sau đó, GV giới thiệu bài thơ *Về thăm quê* (VD: Bài thơ là lời của một người cháu bày tỏ tình cảm của mình đối với bà, thể hiện niềm vui khi nghỉ hè được về thăm bà, thăm quê).
 - + (Hoặc) GV giới thiệu bức tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh nhà bà có vườn cây ăn quả, nhiều cây ra trái chín đỏ, chín vàng, cháu chạy nhảy trong vườn, bà cầm quạt đi theo cháu để quạt), từ đó giới thiệu bài đọc.

2. Đọc văn bản

- GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm).
- GV hướng dẫn đọc:
 - + Đọc đúng các từ ngữ dễ phát âm sai (VD: *mỗi năm, luôn vất vả, chẳng mấy lúc, nhẽ nhại, quạt liến tay,...*).
 - + Nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, VD: *Nghỉ hè/ em thích nhất/ Được theo mẹ về quê/...*

- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.
- HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp đến hết bài), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.
- HS làm việc cá nhân: Đọc nhẩm toàn bài một lượt.
- 2 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.
- GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

Câu 1. *Bạn nhỏ thích nhất điều gì khi nghỉ hè?*

- GV nêu câu hỏi trước cả lớp, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời.
- Một số HS phát biểu ý kiến (VD: Bạn nhỏ thích về thăm quê/ Bạn nhỏ thích theo mẹ về quê).

Câu 2. *Những câu thơ sau giúp em hiểu điều gì về bạn nhỏ?*

Bà em cũng mừng ghê Bà mỗi năm mỗi gầy
Khi thấy em vào ngõ. Chắc bà luôn vất vả.

- GV nêu câu hỏi, hướng dẫn HS đọc kĩ các câu thơ cho thấy bạn nhỏ là người như thế nào.
- HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm, góp ý cho nhau, thống nhất ý kiến để phát biểu trước lớp.
- 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV thống nhất ý kiến.

VD: Cả bài thơ là suy nghĩ, cảm xúc của người cháu. Câu thơ nào cũng có thể thấy tình cảm, sự quan tâm của bạn nhỏ dành cho bà. Nhưng một số câu thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, sự quan tâm của bạn nhỏ đối với bà mình, đó là:

<i>Bà em cũng mừng ghê</i> <i>Khi thấy em vào ngõ.</i>	Bạn nhỏ cảm nhận được niềm vui của bà khi được gặp con, gặp cháu.
<i>Bà mỗi năm mỗi gầy</i> <i>Chắc bà luôn vất vả.</i>	Bạn nhỏ quan tâm tới sức khoẻ của bà, nhận ra bà yếu hơn, biết bà vất vả nhiều.

- GV có thể nói thêm: Nhiều khi các bạn nhỏ về thăm ông bà nhưng mãi chạy nhảy, quan sát, xem xét những điều mới lạ ở nhà ông bà. Còn bạn nhỏ trong bài thơ đã biết quan tâm đến bà.

Câu 3. *Kể những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu.*

GV có thể tổ chức hoạt động dạy và học nội dung này tương tự như câu hỏi 2.

Đáp án: Những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu:

<i>Vườn bà có nhiều quả</i> <i>Chẳng mấy lúc bà ăn</i> <i>Bà bảo thích để dành</i> <i>Cho cháu về ra hái.</i>	Bà luôn nghĩ đến con cháu, luôn muốn dành hết mọi thứ cho con cháu.
<i>Em mồ hôi nhễ nhại</i> <i>Bà theo quạt liễn tay.</i>	Bà yêu thương cháu, chăm chút cháu từng li từng tí.
<i>Thoáng nghe bà kể chuyện</i> <i>Gió thơm say chập chờn.</i>	Bà kể chuyện cho cháu nghe, điều mà các cháu nhỏ đều thích.

Câu 4. Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy vui thích trong kì nghỉ hè ở quê?

– GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ để chuẩn bị câu trả lời của riêng mình, sau đó phát biểu, trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– 3 – 4 HS phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS nêu câu trả lời theo cách hiểu của mình.

(VD: Vườn nhà bà có nhiều cây ăn quả; được bà chăm chút, yêu thương; được nghe bà kể cho nghe nhiều câu chuyện,...)

– GV có thể nêu thêm câu hỏi để HS liên hệ và chia sẻ cùng nhóm/ lớp (VD: Việc làm nào của bà bạn nhỏ trong bài thơ giống bà của em?).

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn học thuộc lòng 3 khổ thơ yêu thích.

– Làm việc cá nhân:

+ Chọn 3 khổ thơ trong bài để học thuộc.

+ Đọc lại nhiều lần từng khổ thơ rồi gấp sách lại để xem mình đã thuộc chưa.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ nào/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

VIẾT

1. Ôn chữ viết hoa

– GV nêu tên bài học: Ôn chữ viết hoa A, Ă, Æ (GV nói rõ với HS: cần nhớ lại cách viết chữ viết hoa đã được luyện viết từ lớp 2). Trong khoảng nửa tiết học, các em ôn lại cách viết 3 chữ viết hoa A, Ă, Æ và viết ứng dụng.

– GV viết mẫu, kết hợp nhắc lại cách viết các chữ viết hoa (hoặc cho HS quan sát clip hướng dẫn viết chữ A, Ă, Æ).

– HS viết chữ viết hoa A, Ă, Æ ra nháp trước khi viết vào vở ô li theo hướng dẫn.

– HS viết chữ viết hoa A, Ă, Æ theo yêu cầu (về số chữ) vào vở.

– GV nhận xét chữ viết của HS.

2. Viết ứng dụng

a. Viết tên riêng

– HS đọc tên riêng: *Đông Anh*.

– HS viết tên riêng *Đông Anh* vào vở.

– GV giới thiệu cho HS biết: *Đông Anh* là một huyện nằm ở phía bắc Thủ đô Hà Nội, cách trung tâm thành phố 15 km.

b. Viết câu

– HS đọc thầm câu ứng dụng:

Ai về đến huyện Đông Anh

Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.

– GV giới thiệu câu ứng dụng: Câu ca dao giới thiệu về một miền quê có di tích gắn liền với câu chuyện An Dương Vương xây thành Cổ Loa.

– GV nhắc HS trong câu ứng dụng có các chữ viết hoa A, Đ, G, L, T, V. Lưu ý HS viết đúng chính tả các chữ như *huyện, loa, xây...* và cách viết lùi đầu dòng ở thể thơ lục bát.

– HS viết câu ứng dụng vào vở.

- HS góp ý cho nhau theo cặp hoặc theo nhóm.
- GV lựa chọn một số bài viết của HS chiếu lên màn hình, cả lớp nhận xét, sửa chữa. GV động viên những HS viết đẹp, tiến bộ.

TIẾT 3 - 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.

Bài tập 1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.

- GV nhắc HS đọc kĩ yêu cầu và mẫu minh hoạ để làm bài cho đúng. (Về từ ngữ chỉ sự vật, bài tập chỉ yêu cầu tìm từ ngữ chỉ người và con vật.)
- GV hướng dẫn HS: Quan sát kĩ bức tranh, tìm từ ngữ theo yêu cầu nêu trong bảng. Có thể các từ ngữ các em tìm được không trùng nhau nhưng vẫn nêu đúng sự vật hoặc hoạt động trong tranh.
- 1 – 2 em HS làm mẫu trước lớp, sau đó HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.
- VD: GV có thể cho HS hỏi – đáp về từng sự vật trong tranh rồi nêu từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động thể hiện trong tranh.
- + Đây là ai?/ Đây là con gì?
- + Người đó đang làm gì?/ Con vật đó đang làm gì?
- Đại diện nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

Từ ngữ chỉ sự vật		Từ ngữ chỉ hoạt động
Chỉ người	Chỉ con vật	
bác nông dân, cô nông dân		gặt lúa/ ôm bó lúa/ gặt hái
bạn nam		chăn trâu/ ngồi trên lưng trâu
bạn nữ		xách ấm nước/ mang ấm nước
bạn nhỏ/ em nhỏ		thả diều/ chơi diều
	con trâu	gặm cỏ
	con vịt	bơi/ bơi lội/ mò cua ốc/...
	chuồn chuồn	bay/ đậu trên cành cây

2. Đặt câu giới thiệu và câu nêu hoạt động.

Bài tập 2. Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài tập 1, đặt câu giới thiệu và câu nêu hoạt động.

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập theo 2 câu mẫu trong SHS. (GV có thể nhắc để HS nhớ: Câu giới thiệu có từ “là”. Câu nêu hoạt động là câu chứa từ chỉ hoạt động các em vừa tìm ở bài tập 1).
- HS làm việc cá nhân: suy nghĩ, mỗi em tự đặt mỗi loại 1 câu, có thể viết câu mình đặt vào vở ô li/ vở bài tập hoặc giấy nháp. (GV khích lệ em nào làm xong sớm có thể đặt nhiều câu theo mẫu.)
- HS đặt câu xong thì làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. (GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa bài riêng cho những em đặt câu chưa đúng yêu cầu).
- GV mời một số HS đọc câu của mình trước lớp. GV có thể cho HS thực hiện xong bài tập 2a rồi mới chuyển sang bài tập 2b, hoặc có thể kết hợp cùng lúc. HS có thể đặt các câu như:

- + Đây là đàn vịt. Chúng bơi lội dưới mương nước/ lạch nước. Chúng đang mò cua cá.
- + Vịt là con vật thuộc họ chim. Chúng mò cua, ốc dưới nước./...
- Đại diện một số nhóm nói câu của mình trước lớp. GV nhận xét, góp ý. GV nhắc HS ghi nhớ về câu giới thiệu (có từ *là*) và câu nêu hoạt động.

Bài tập 3. Ghép từ ngữ để tạo câu.

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3.
- GV hướng dẫn HS làm bài cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả. (HS có thể làm bài vào phiếu, vào vở bài tập hoặc vào vở ô li).
- GV chữa bài trên bảng lớp (sử dụng máy chiếu hoặc GV viết bài tập trên bảng). GV hướng dẫn HS rút kinh nghiệm.
- Thống nhất đáp án:
 - + Chim chóc đua nhau hót trong vòm cây.
 - + Bầy ong bay đi tìm hoa.
 - + Đàn cá bơi dưới hồ nước.
- GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng, làm việc tích cực.

LUYỆN VIẾT TIN NHẮN

1. Nhận biết các cách viết tin nhắn.

Bài tập 1. So sánh để tìm những điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn.

- Làm việc chung cả lớp:
 - + GV giới thiệu và nêu mục đích của bài tập 1: (1) bài tập 1 đưa ra 2 tin nhắn. Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn ở cách xa nhau, viết tin nhắn để thông báo sự việc, hoạt động hoặc bày tỏ suy nghĩ, tình cảm,... Bài tập này giúp các em biết cách nhắn tin trong những tình huống khác nhau, bằng những phương tiện khác nhau.
 - + GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập và đọc 2 tin nhắn trước lớp.
 - Làm việc nhóm:
 - + Từng em suy nghĩ để tự thực hiện yêu cầu của bài tập.
 - + Nhóm trưởng nêu từng yêu cầu và mời các bạn trả lời.
 - + Cả nhóm nhận xét.
 - Làm việc chung cả lớp:
 - + GV chữa bài trên bảng lớp (sử dụng máy chiếu hoặc GV viết câu trả lời của HS lên bảng).
 - + Thống nhất đáp án:
- Điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn:

	Tin nhắn trên giấy	Tin nhắn trên điện thoại
Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn	Hai người là bạn bè (bạn Tuấn viết thư cho bạn Hưng).	Hai người là người thân trong gia đình (cháu viết thư cho bà)
Nội dung tin nhắn	Nhắn bạn ra sân bóng để cùng chơi	Cháu báo tin cho bà biết đã về đến nhà, nhớ bà, hẹn hè sang năm lại về với bà
Phương tiện thực hiện	Bút và giấy	Điện thoại di động

- + GV hỏi em nào đã viết tin nhắn trên giấy hoặc trên điện thoại.
- + GV hỏi em nào chưa biết nhắn tin trên điện thoại.
- + GV hướng dẫn HS cách nhắn tin trên điện thoại bằng cách chiếu bàn phím máy tính trên màn hình hoặc vẽ bàn phím máy tính trên bảng cho HS hình dung. Giới thiệu sơ lược cách nhắn tin trên điện thoại.

2. Thực hành viết tin nhắn.

Bài tập 2. Viết tin nhắn

- Làm việc chung cả lớp:
- + GV nêu mục đích của bài tập 2: Bài tập này giúp các em luyện tập nhắn tin trong những tình huống khác nhau. Tin nhắn phải ngắn gọn, đảm bảo đủ các thông tin cần nhắn.
- + GV nói thêm: Trước mắt, ở lớp các em viết tin nhắn trên giấy. Khi có điều kiện, các em sẽ nhắn tin bằng điện thoại hoặc các phương tiện khác.
- + GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2 và đọc 2 tình huống để lựa chọn.
- Làm việc cá nhân:
- + Từng em chọn yêu cầu a hoặc b, suy nghĩ để tự thực hiện yêu cầu của bài tập.
- + Viết tin nhắn vào vở bài tập hoặc vở ô li.

Bài tập 3. Đọc lại tin nhắn, phát hiện và sửa lỗi

- Làm việc nhóm:
- + Nhóm trưởng đọc yêu cầu bài tập 3 và mời từng bạn đọc tin nhắn của mình, cả nhóm góp ý.
- + Chọn những tin nhắn viết đủ thông tin, ngắn gọn, diễn đạt rõ ràng, lưu loát để đọc trước lớp.
- Làm việc chung cả lớp:
- + Một số bạn đọc tin nhắn trước lớp.
- + GV và cả lớp nhận xét kết quả làm bài của HS. (Có thể nhấn mạnh thêm về sự cần thiết của tin nhắn.)

VẬN DỤNG

- Hướng dẫn HS cách tìm bài đọc mở rộng theo yêu cầu.
- HS nào tìm được câu chuyện, bài văn, bài thơ,... theo yêu cầu và thì đến giờ Đọc mở rộng có thể mang sách, truyện đến lớp để chia sẻ trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc VB được giới thiệu trong SHS.

CỦNG CỐ

- GV nhận xét về kết quả học tập bài 2, động viên, khen ngợi các em học tập tích cực, các em học tập tiến bộ, có nhiều cố gắng.
- Dặn dò HS tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... theo yêu cầu đọc mở rộng; xem trước bài số 3.

1 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN TIẾNG VIỆT 3

Ngoài phần Hướng dẫn chung, SGK *Tiếng Việt 3* có những hướng dẫn cụ thể để GV tổ chức dạy học các bài học trong SHS. Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: *Mục tiêu (bài học)*, *Chuẩn bị (bài học)*, *Tổ chức hoạt động dạy học*.

– *Mục tiêu (bài học)* được biên soạn bám sát với các cấu phần của bài học trong SHS. Nói cách khác, mục tiêu của mỗi bài học được trình bày như tổng cộng mục tiêu của từng cấu phần trong bài. Cách thiết kế mục tiêu này giúp GV hình dung rõ và cụ thể mục tiêu của mỗi hoạt động trong bài. Do các bài học trong SHS được thiết kế dựa trên các mạch chính là Đọc, Viết, Nói và nghe, nên mục tiêu bài học trong SGK cũng thể hiện mục tiêu của từng hoạt động như vậy.

– *Chuẩn bị (bài học)* gồm hai nội dung: (1) Kiến thức mà GV cần nắm để dạy học, chủ yếu là kiến thức về đặc điểm thể loại, loại văn bản của văn bản đọc, nội dung của văn bản, nghĩa của các từ ngữ khó trong văn bản và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này; (2) Phương tiện dạy học: Bên cạnh những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SHS, SGK và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu), mỗi bài học có những yêu cầu riêng về phương tiện dạy học. Ngoài ra, dựa vào “kịch bản” được xây dựng theo cách sáng tạo, GV có thể chuẩn bị thêm những phương tiện dạy học khác.

– *Tổ chức hoạt động dạy học* bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SHS. SGK chỉ đưa ra những kịch bản gợi ý. Trong thực tế dạy học, GV có thể vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo. Ngoài khả năng điều chỉnh, thêm bớt câu hỏi, bài tập, GV có thể thay đổi trình tự các bước tổ chức hoạt động dạy học và tăng giảm thời lượng cho từng hoạt động, miễn là giúp cho hoạt động dạy học đạt được kết quả, HS có hứng thú với việc học và phát triển phẩm chất, năng lực một cách hiệu quả.

2 GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO

Môn Tiếng Việt lớp 3 có ba loại tài liệu: SHS, SGK và các sách/vở bổ trợ, tham khảo, tạo thành một bộ tài liệu dạy học có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

Ngoài SHS và SGK như đã giới thiệu ở trên, môn Tiếng Việt lớp 3 còn có các sách/vở bổ trợ như: *Tập viết 3, tập một* và *Tập viết 3, tập hai*; *Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập một* và *Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập hai*. Các tài liệu này tuy không phải tài liệu bắt buộc, nhưng khi tổ chức dạy học, GV nên khuyến khích HS sử dụng vì, đối với HS:

– *Vở Tập viết 3* giúp các em ôn luyện chữ viết hoa, cách viết các câu ứng dụng. Nội dung *Tập viết 3* được biên soạn và thiết kế bám sát các yêu cầu trong SHS *Tiếng Việt 3*, đáp ứng được nhu cầu rèn luyện chữ viết hoa, chữ viết thường cho HS.

– Về *Vở bài tập Tiếng Việt 3*, nhằm giúp HS có thể dùng được nhiều lần SHS (giữ lại dành tặng cho các em năm học sau), GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập trong vở bài tập (hoặc ghi chép những điều cần thiết vào vở ghi riêng của HS), không nên viết vào SHS. Nội dung *Vở bài tập Tiếng Việt 3* bám sát các hoạt động ở từng bài học trong SHS song được thiết kế, trình bày thành các dạng bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú khi thực hiện những bài tập có hình thức trình bày mới mẻ hơn so với SHS.

Các sách/vở bổ trợ cho HS nói chung đều được biên soạn theo hướng bám sát hệ thống các chủ điểm và nội dung bài học ở SHS, nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho HS, chủ yếu là kỹ năng đọc và viết, đáp ứng mục tiêu bộ sách đã đặt ra và phù hợp với tất cả các vùng miền. Mặt khác, nhằm đáp ứng năng lực học tập khác nhau của HS, các sách/vở bổ trợ nói trên cũng đã cố gắng thiết kế các loại, dạng bài tập đáp ứng được nhu cầu phân hoá của HS. Đối với GV, ngoài SGK, quý thầy cô có thể tham khảo thêm các tư liệu: hỏi – đáp về dạy học *Tiếng Việt 3*, các video tiết học minh hoạ cho từng hoạt động trong SHS, cũng như các tư liệu bổ trợ khác trong suốt quá trình dạy học.

Kính chúc quý thầy cô có nhiều niềm vui và thành công khi dạy học *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG – TRỊNH MAI NHI

Thiết kế sách: VŨ XUÂN NHỰ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: PHAN THỊ THANH BÌNH – TẠ THỊ HƯỜNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU BỒ DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-.....